ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2007 – 2012 CỦA BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

Bùi Đức Phú[1], Trương Xuân Dũng[1], Trương Nhật Tân[1],
Hồ Khả Chương[1], Trương Đình Thưởng[1], Lương Bảo Tiến[1]

TÓM TẮT

Mục tiêu: *Đánh giá hiệu quả công tác thực hiện quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định 43/CP của Chính phủ tại Bệnh viện Trung ương Huế thông qua một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản như tình hình thu, chi và thu nhập bình quân của cán bộ, viên chức.*

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: *Mô tả cắt ngang tình hình phát sinh các khoản thu, chi và thu nhập của cán bộ, viên chức giai đoạn từ năm 2007 – đến năm 2012.*

Kết quả: *Tổng thu năm 2007 là 220,363 tỷ đồng, năm 2008 là 305,426 tỷ đồng (tăng 39%), năm 2009 là 402,895 tỷ đồng (tăng 32%), năm 2010 là 513,547 tỷ đồng (tăng 27%), năm 2011 là 736,439 tỷ đồng (tăng 38%) và năm 2012 là 875,429 tỷ đồng (tăng 23%), tốc độ thu tăng bình quân hằng năm là 32%; Tổng chi phí: năm 2007 là 192,473 tỷ đồng, năm 2008 là 249,477 tỷ đồng (tăng 30%), năm 2009 là 344,288 tỷ đồng (tăng 38%), năm 2010 là 465,389 tỷ đồng (tăng 35%), năm 2011 là 630,825 tỷ đồng (tăng 36%) và năm 2012 là 772,684 tỷ đồng (tăng 22%), tốc độ tăng chi phí bình quân hằng năm là 32%; Chênh lệch thu lớn hơn chi hàng năm đều tăng (trừ năm 2010), cụ thể: năm 2007 là 27,89 tỷ đồng, năm 2008 là 55,949 tỷ đồng (tăng 28,059 tỷ đồng), năm 2009 là 58,607 tỷ đồng (tăng 2,658 tỷ đồng), năm 2010 là 47,788 tỷ đồng (giảm 10,819 tỷ đồng), năm 2011 là 79,094 tỷ đồng (tăng 31,306 tỷ đồng) và năm 2012 là 102,745 tỷ đồng (tăng 23,651 tỷ đồng), tốc độ tăng bình quân hàng năm của chênh lệch thu lớn hơn chi là 36%; Mức chi cho khám chữa bệnh (chưa tính khấu hao TSCĐ) bình quân hằng năm là 4.990.000 đồng/lượt/BN điều trị nội trú và 130.000 đồng/lượt/BN khám ngoại trú; Thu nhập của cán bộ, viên chức (tháng): năm 2007 là 2,823 triệu đồng, năm 2008 là 3,701 triệu đồng, năm 2009 là 4,026 triệu đồng, năm 2010 là 4,389 triệu đồng, năm 2011 là 5,35 triệu đồng và năm 2012 là 7,215 triệu đồng.*

Kết luận: *Tình hình thu của bệnh viện năm sau luôn cao hơn năm trước. Chênh lệch thu lớn hơn chi hàng năm đều tăng*

Từ khóa*: tự chủ về tài chính, Bệnh viện Trung ương Huế*

ABSTRACT

EVALUATION OF EFFECTIVE IMPLEMENTATION OF FINANCIAL AUTONOMY AT HUE CENTRAL HOSPITAL FROM 2007- 2012

*Bui Duc Phu[1], Truong Xuan Dung[1], Truong Nhat Tan[1],
Ho Kha Chuong[1], Truong Dinh Thuong[1], Luong Bao Tien[1]*

Objectives: *Evaluation of effective implementation of financial autonomy in accordance with Decree*

1. BVTW Huế

- Ngày nhận bài (received): 8/8/2013; Ngày phản biện (revised): 16/12/2013; Ngày đăng bài (Accepted): 18/12/2013
- Người phản biện: PGS.TS Phạm Như Hiệp; TS. Trần Thừa Nguyên
- Người phản hồi (Corresponding author): Trương Nhật Tân
- Email: tanbvtwh@gmail.com

43/CP by Vietnamese Government at Hue Central Hospital (HCH) under such basic economic criteria as receipts, expenditure and average earnings of staff at HCH

Methods: *Cross- sectional study of additional receipts, expenditure and average earnings of staff at HCH between 2007 and 2012*

Results: *The receipts was 220.363 billion VND of 2007, 305.426 billion VND of 2008 (39% increase compared with 2007), 402.895 billion VND of 2009 (32% increase compared with 2008), 513.547 billion VND of 2010 (27% increase compared with 2009), 736.439 billion VND of 2011 (38% increase compared with 2010), 875.429 billion VND of 2012 (23% increase compared with 2011). The annually average receipts increases 32%. While, the annually average expenditure increases 32%, 192.473 billion VND of 2007, 249.477 billion VND of 2008 (30% increase compared with 2007), 344.288 billion VND of 2009 (38% increase compared with 2008), 465.389 billion VND of 2010 (35% increase compared with 2009), 630.825 billion VND of 2011 (36% increase compared with 2010) and 772.684 billion VND of 2012 (22% increase compared with 2011). Yearly excess of receipts over expenditure is shown (except for 2010) 36%, 2007 with 27.89 billion VND, 2008 with 55.949 billion VND (28,059 billion VND increase compared with 2007), 2009 with 58.607billion VND (2.658 billion VND increase compared with 2008), 2010 with 68.381billion VND (10.819 billion VND decrease compared with 2009), 2011 with 79.097 billion VND (31.306 billion VND increase compared with 2010) and 2012 with 91.212 billion VND (102.745 billion VND increase compared with 2011). The yearly average expenditure for medical examination and treatment (not accounted with fixed assets) is 4.990.000VND for inpatient treatment and 130.000VND for outpatient treatment. The monthly average earnings of staff at HCH: 2007 with 2.823 million VND, 2008 with 3.701million VND, 2009 with 4.026 million VND, 2010 with 4.648 million VND, 2011 with 5.35 million VND and 2012 with 7.215 million VND.*

Conclusions*: The receipts is always made at HCH in this year more than last year. Yearly excess of receipts over expenditure is shown*

Key words*: Financial autonomy, Hue Central Hospital.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua sáu năm triển khai, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định 43/CP của Chính phủ [1], [2], bên cạnh những thuận lợi, thì bệnh viện gặp một số khó khăn nhất định như giá thu một phần viện phí còn thấp so với chi phí bỏ ra, bệnh viện đóng trên địa bàn miền Trung thường xuyên chịu ảnh của thiên tai, kinh phí NSNN cấp hàng năm còn hạn chế... tuy nhiên với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ, viên chức bước đầu triển khai bệnh viện đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Ngày 15/10/2012 Chính phủ ban hành Nghị định 85/CP quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập [3], đây là cơ hội và cũng là thách thức để bệnh viện chuyển mình sang một cơ chế mới.

Để có cái nhìn tổng quan về hiệu quả công tác triển khai, thực hiện quyền tự chủ về tài chính trong giai đoạn từ năm 2007 – 2012 tại Bệnh viện TW Huế, từ đó giúp lãnh đạo bệnh viện hoạch định chiến lược phát triển toàn diện bệnh viện trong thời gian tới trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế và cơ chế hoạt động, nhằm ngày một nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đánh giá hiệu quả thực hiện quyền tự chủ về tài chính giai đoạn từ năm 2007 – 2012 tại Bệnh viện TW Huế, với mục tiêu:

1. Phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như: Tình hình thu, chi và chênh lệch thu lớn hơn chi.

2. So sánh, đánh giá thu nhập bình quân của cán bộ, viên chức.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Đối tượng nghiên cứu: Số liệu tài chính, kế toán giai đoạn từ năm 2007 – 2012 tại Bệnh viện TW Huế.

- Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang.

- Phương pháp thu thập số liệu: Sử dụng số liệu từ báo cáo quyết toán, báo cáo tổng kết hằng năm...

- Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu thu thập được xử lý trên phần mềm Excel.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả hoạt động chuyên môn

Bảng 1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chuyên môn

Chỉ tiêu chuyên môn	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Số lần khám và tái khám	251.824	272.001	337.396	368.998	379.431	404.855
Số BN điều trị nội trú	64.803	68.298	75.252	84.136	84.220	85.608
Số BN điều trị ngoại trú	2.182	2.408	2.412	3.896	4.353	4.263
Số ngày điều trị nội trú	8.364	80.679	54.754	40.094	86.641	91.908
Ngày điều trị BQ 1 BN	11,5	11,4	1,35	10,0	10,5	10,4
Công suất SD giường chỉ tiêu	186,4%	194,4%	167,3%	153,4%	150,1%	134,5%
Công suất SD giường thực kê	102,2%	106,4%	105,4%	107,5%	106,8%	103,5%
Tỷ lệ tử vong	0,41%	0,32%	0,30%	0,18%	0,21%	0,16%
Số lần chụp Xquang	126.337	138.769	148.265	157.383	170.452	167.119
Số lần xét nghiệm	901.450	1.118.104	1.367.384	1.728.451	2.191.209	2.413.785
Số lần phẫu thuật	17.987	18.381	20.244	23.305	24.812	25.796
Số sản phụ đẻ	5.279	6.355	7.559	6.872	7.887	9.620
Số máu thu gom và SD (lít)	2.953	4.106	5.130	5.987	6.639	6.567
Thăm dò chức năng các loại	97.190	142.039	179.441	137.921	149.673	228.565
Số lần chạy thận	9.438	11.887	15.200	16.017	19.387	21.810

3.2. Kết quả hoạt động tài chính

Bảng 2. Tình hình thu (triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
NSNN cấp	46.797	53.820	54.230	41.358	54.746	85.895
Thu sự nghiệp	168.450	244.233	340.354	463.937	642.324	768.961
Thu khác	5.116	7.373	8.311	7.882	12.849	20.573
Tổng thu	**220.363**	**305.426**	**402.895**	**513.177**	**709.919**	**875.429**

Bảng 3. Tỷ trọng nguồn thu

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
NSNN cấp	21,2%	17,6%	13,5%	8,1%	7,7%	9,8%
Thu sự nghiệp	76,4%	80,0%	84,5%	90,4%	90,5%	87,8%
Thu khác	2,3%	2,4%	2,1%	1,5%	1,8%	2,4%
Cộng	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**

Bảng 4. Tình hình chi (triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chi thanh toán cá nhân	49.245	57.881	69.921	84.970	103.334	143.336
Chi mua hàng hóa, dịch vụ	132.992	185.260	264.933	376.273	520.262	615.469
Chi mua sắm, sửa chữa	8.781	5.255	8.318		318	6.784
Chi khác	1.455	1.081	1.116	4.146	6.911	7.065
Tổng chi	**192.473**	**249.477**	**344.288**	**465.389**	**630.825**	**772.684**

Bảng 5. Tỷ trọng các khoản chi

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chi thanh toán cá nhân	25,6%	23,2%	20,3%	18,3%	16,4%	18,6%
Chi mua hàng hóa, dịch vụ	69,1%	74,3%	77,0%	80,8%	82,4%	79,6%
Chi mua sắm, sửa chữa	4,6%	2,1%	2,4%	0%	0,1%	0,9%
Chi khác	0,8%	0,4%	0,3%	0,9%	1,1%	0,9%
Tổng chi	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**

Bảng 6. Chênh lệch thu lớn hơn chi và trích lập các quỹ

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chênh lệch thu lớn hơn chi	27.890	55.949	58.607	47.788	79.094	102.745
Số trích lập các quỹ	27.890	55.949	58.607	47.788	79.094	102.745
Quỹ phát triển HĐSN	1.168	13.987	14.652	1.433	19.774	25.686
Chi trả thu nhập tăng thêm	23.108	33.569	35.164	39.187	47.456	61.647
Quỹ khen thưởng	2.245	5.595	5.861	4.779	7.909	10.275
Quỹ phúc lợi	689	1.119	1.172	956	1.582	2.055
Quỹ dự phòng ổn định TN	680	1.678	1.758	1.434	2.373	3.082

Bảng 7. Tỷ trọng thu nhập của cán bộ, viên chức

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Thu nhập từ tiền lương	39,3%	39,2%	41,7%	41,4%	38,7%	35,8%
Các khoản phụ cấp, thưởng...	27,1%	27,1%	22,2%	25,7%	29,3%	33,8%
Thu nhập tăng thêm	33,6%	33,7%	36,1%	32,9%	32,0%	30,4%
Cộng	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**

IV. BÀN LUẬN

4.1. Về kết quả hoạt động chuyên môn

Nhìn vào bảng 1 ta thấy số lượng bệnh nhân đến khám ngoại trú và điều trị nội trú tại bệnh viện hằng năm đều tăng (tỷ lệ tăng bình quân hằng năm là 10% đối với khám ngoại trú và điều trị nội trú 6%), chất lượng khám chữa bệnh không ngừng được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Nếu như năm 2007 ngày điều trị bình quân một bệnh nhân là 11,5 ngày thì đến năm 2012 rút xuống còn 10,4 ngày, tỷ lệ tử vong năm 2007 là 0,41% thì đến năm 2012 tỷ lệ này giảm xuống còn 0,16%. Tình trạng quá tải bệnh viện ngày càng được cải thiện, năm 2012 công suất sử dụng giường thực kê là 103,5%, các chỉ tiêu chuyên môn giai đoạn từ năm 2007 - 2012 bệnh viện đều hoàn thành xuất sắc và vượt mức kế hoạch đề ra [5], [6].

4.2. Kết quả hoạt động tài chính

4.2.1. Về tình hình thu

Năm 2007 tổng thu của bệnh viện là 220,363 tỷ đồng, so với năm 2007 thì năm 2008 tổng thu của bệnh viện tăng 39% (tăng 85,063 tỷ đồng), năm 2009 so với năm 2008 tăng 32% (tăng 97,469 tỷ đồng), so với năm 2009 thì năm 2010 tăng 27% (tăng 110,282 tỷ đồng), năm 2011 so với năm 2010 tăng 38% (tăng 196,742 tỷ đồng) và năm 2012 tăng 23% so với năm 2011 (tăng 165,51 tỷ đồng), tỷ lệ tăng thu bình quân hằng năm là 32%, tuy nhiên chủ yếu là từ nguồn thu sự nghiệp của bệnh viện, nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu khác chiếm 87%, nguồn NSNN cấp chiếm khoản 13%, nếu so sánh tổng thu

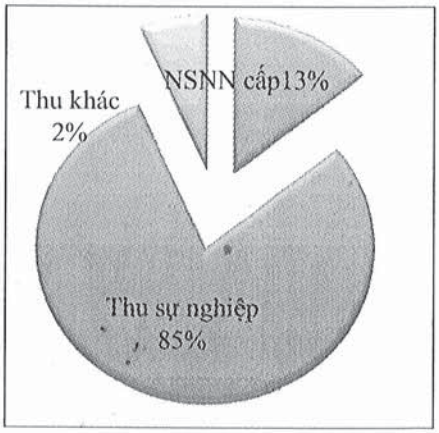

Biểu đồ 1: Tỷ trọng bình quân nguồn thu hằng năm

của năm 2012 so với năm 2007 thì tăng hơn 4 (bốn) lần, tương ứng số tiền tăng là 655,066 tỷ đồng.

Nhìn vào bảng 2 ta thấy tỷ trọng NSNN cấp trong tổng thu của bệnh viện ngày càng có xu hướng giảm dần, nếu như năm 2007 tỷ trọng NSNN cấp là 21,2% trong tổng thu của bệnh viện, thì năm là 2008 là 17,6%, năm 2009 là 13,5%, năm 2010 là 8,1%, năm 2011 là 7,7% và năm 2012 là 9,8% [7].

4.2.2. Về tình hình chi

Tổng chi phí năm 2007 là 192,473 tỷ đồng, năm 2008 là 249,477 tỷ đồng (tăng 30% so với năm 2007), năm 2009 là 344,288 tỷ đồng (tăng 38% so với năm 2008), năm 2010 là 465,389 tỷ đồng (tăng 35% so với năm 2009), năm 2011 là 630,824 tỷ đồng (tăng 36% so với năm 2010) và năm 2012 là 772,684 tỷ đồng (tăng 25% so với năm 2011). Nhìn vào bảng 4 và 5 ta thấy trong tổng số chi phí bệnh viện bỏ ra thì chủ yếu là chi phí hàng hóa, dịch vụ (thuốc, vật tư tiêu, hóa chất...) chiếm tỷ trọng bình quân chung hằng năm 77%, 20% là chi thanh toán cá nhân (tiền lương, các khoản phụ cấp...) và 3% là chi mua sắm và chi khác. Tốc độ tăng chi phí bình quân hằng năm là 32%.

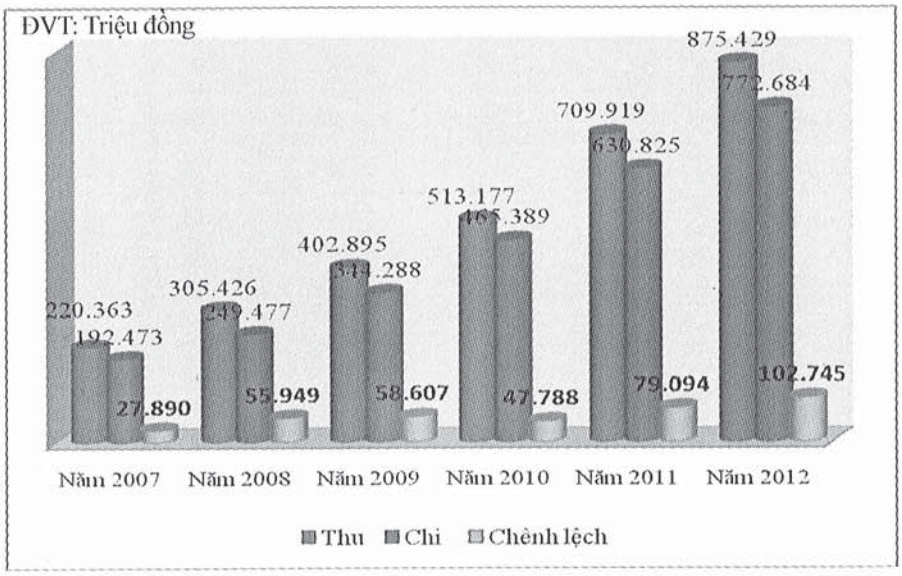

Biểu đồ 2: Thu, chi và chênh lệch thu lớn hơn chi

4.2.3. Về chênh lệch thu lớn hơn chi và trích lập các quỹ

Chênh lệch thu lớn hơn chi năm 2007 là 27,89 tỷ đồng, năm 2008 là 55,949 tỷ đồng (tăng 101% so với năm 2007, tương đương số tiền tăng là 28,059 tỷ đồng), năm 2009 là 58,607 tỷ đồng (tăng 5% so với năm 2008, tương đương số tiền tăng là 2,658 tỷ đồng), năm 2010 là 47,788 tỷ đồng (giảm 18% so với năm 2009, tương đương số tiền giảm là 10,819 tỷ đồng), năm 2011 là 79,094 tỷ đồng (tăng 66% so với năm 2010, tương đương số tiền tăng là 31,306 tỷ đồng), năm 2012 là 102,745 tỷ đồng (tăng 30% so với năm 2011, tương đương số tiền tăng là 23,651 tỷ đồng), chênh lệch thu lớn hơn chi bình quân hằng năm tăng 36%.

Số chênh lệch thu lớn chi được sử dụng 100% để trích lập các quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức, tỷ trọng trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp bình quân hằng năm là 18% trong tổng số chênh lệch thu lớn hơn chi (trong khoản thời gian từ năm 2007 – 2012 bệnh viện đã trích lập được 76,7 tỷ đồng) và 67% dùng để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức, tỷ lệ trích lập để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức bình quân hằng năm tăng 22%[7].

4.3. Về mức chi bình quân cho khám chữa bệnh (tính đầy đủ các yếu tố, chưa bao gồm khấu hao TSCĐ).

Mức chi bình quân cho khám chữa bệnh: năm 2007 khám ngoại trú là 80.000 đồng/lượt khám và điều trị nội trú 2.670.000 đồng/lượt; năm 2008 khám ngoại trú là 90.000 đồng/lượt khám (tăng 20% so với năm 2007) và điều trị nội trú 3.290.000 đồng/lượt (tăng 23% so với năm 2007); năm 2009 khám ngoại trú là 100.000 đồng/lượt (tăng 11% so với năm 2008) và điều trị nội trú là 4.120.000 đồng/lượt (tăng 25% so với năm 2008); năm 2010 khám ngoại trú là 130.000 đồng/lượt (tăng 24% so với năm 2009) và điều trị nội trú là 4.980.000 đồng/lượt (tăng 21% so với năm 2009); năm 2011 khám ngoại trú là 170.000 đồng/lượt (tăng 32% so với năm 2010) và điều trị nội trú là 6.740.000 đồng/lượt (tăng 35% so với năm 2011) và năm 2012 khám ngoại trú là 190.000 đồng/lượt (tăng 15% so với năm 2011) và điều trị nội trú là 8.120.00 đồng/lượt (tăng 21% so với năm 2011). Mức chi cho khám chữa bệnh tăng bình quân hằng năm là 20% đối với khám ngoại trú và 25% đối với điều trị nội trú.

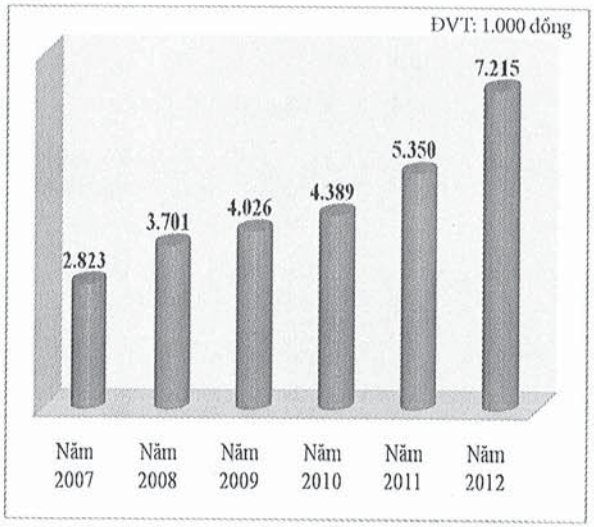

Biểu đồ 3: Thu nhập bình quân của CBVC

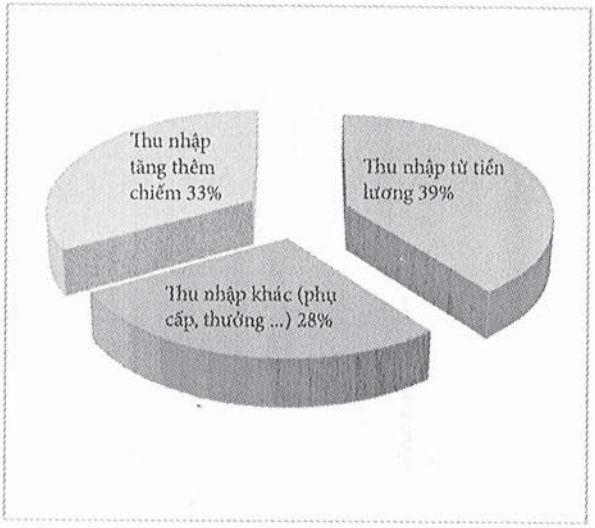

Biểu đồ 4: Tỷ trọng thu nhập bình quân của CBVC

4.4. Về thu nhập của cán bộ, viên chức

Thu nhập bình quân của cán bộ, viên chức có xu hướng tăng đều hằng năm, trong đó tỷ trọng thu nhập bình quân hàng năm từ tiền lương 39%, thu nhập tăng thêm là 33% và nhập từ các khoản phụ cấp, thưởng và thu nhập khác chiếm 28%. Cụ thể, thu nhập bình quân của cán bộ, viên chức các năm như sau: năm 2007 là 2,823 triệu đồng người/tháng (trong đó thu nhập tăng thêm là 0,949 triệu đồng, chiếm 33,6%); năm 2008 là 3,701 triệu đồng, tăng 0,878 triệu đồng người/tháng so với năm 2007, tương ứng tỷ lệ tăng là 31% (trong đó thu nhập tăng thêm 1,248 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 33,7% trong tổng thu nhập); năm 2009 là 4,026 triệu đồng người/tháng, tăng so với năm 2008 là 0,325 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 9% (trong đó thu nhập tăng thêm là 1,453 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 36,1%); năm 2010 là 4,389 triệu đồng người/tháng, tăng so với năm 2009 là 0,363 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 9% (trong đó thu nhập tăng thêm là 1,444 triệu đồng, chiếm tỷ trọng là 32,9% trong tổng thu nhập); năm 2011 là 5,35 triệu đồng người/tháng, tăng 22% so với năm 2010, tương ứng số tiền tăng là 0,961 triệu đồng (trong đó thu nhập tăng thêm là 1,711 triệu đồng, chiếm 32% tỷ trọng tổng thu nhập) và năm 2012 là 7,215 triệu đồng người/tháng, tăng 35% so với năm 2011, tương ứng khoản thu nhập tăng là 1,865 triệu đồng (trong đó thu nhập tăng thêm chiếm 30,4% trong tổng thu nhập, tương ứng số tiền là 2,196 triệu đồng). Thu nhập bình quân của cán bộ, viên chức năm 2012 tăng hơn 2,5 lần so với năm 2007.

Nhìn vào bảng 8 và 9 cho thấy ngoài nguồn thu nhập chính là tiền lương, thì thu nhập tăng thêm là khoản thu nhập không nhỏ, chiếm tỷ trọng từ 30,4 – 36,1% trong tổng thu nhập của cán bộ, viên chức [7].

V. KẾT LUẬN

Trong thời gian từ năm 2007 – 2012 bệnh viện đã đạt những thành tựu đáng khích lệ trên cả hai lĩnh vực đó là phát triển và ứng dụng hiệu quả khoa học kỹ thuật vào trong khám chữa bệnh từ đó không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và giảm thiểu sự quá tải. Đời sống vật chất của cán bộ, viên chức không ngừng được cải thiện và nâng lên rõ rệt.

Để có được kết quả đó là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, viên chức và sự vận dụng sáng tạo của lãnh đạo bệnh viện trong thực hiện quyền tự chủ về tài chính và đây là tiền đề cơ bản và quan trọng để bệnh viện chuyển mình sang một cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính mới theo Nghị định 85/CP của Chính phủ trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2010), Quyết định số 5251/QĐ-BYT ngày 28/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cho Bệnh viện Trung ương Huế
2. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở khám, chữa bệnh công lập
4. Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 26/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.
5. Báo cáo tổng kết công tác tài chính kế toán từ năm 2007 đến năm 2012 của Phòng TCKT-Bệnh viện TW Huế.
6. Báo cáo tổng kết công tác và phương hướng nhiệm vụ bệnh viện từ năm 2007 đến năm 2012 của Bệnh viện TW Huế.
7. Báo cáo quyết toán từ năm 2007 – đến năm 2012.